

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 15-01-2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thời

2. Ông Lê Văn Hiến

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Tiến - là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T, sinh năm: 1991; HKTT: Tổ A, Ấp C X, X, Đồng Nai; Địa chỉ hiện tại: Nhà trọ bà Nguyễn Thị B, thôn Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm: 1986; HKTT: Tổ A, Ấp C X, X, Đồng Nai; Địa chỉ hiện tại: Nhà trọ bà Nguyễn Thị B, thôn Y, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 8 năm 2024, 04 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn năm 2008. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 14/4/2008. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn

vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và về chung sống ở nhà chồng trong năm 2008. Đến năm 2009 vì con nhỏ chị về nhà mẹ đẻ ở nhờ, còn anh T1 thì đi làm ở bên ngoài. Sau đó vợ chồng về Đ sinh sống và làm ăn. Đến khoảng năm 2011 – 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 đi làm giữ tiền và tiêu riêng cho bản thân, không đưa tiền cho chị để chăm lo các chi phí sinh hoạt thiết yếu của gia đình và con cái. Tiền ăn uống, chi phí sinh hoạt trong gia đình, tiền học của con, tiền nhà trọ một mình chị lo hết. Chị hỏi anh T1 đưa tiền để chi tiêu trong gia đình thì anh T1 không những không đưa mà vợ chồng còn xảy ra cãi nhau và anh T1 còn đánh chị. Sự việc kéo dài nhiều năm từ đó đến nay. Ngoài ra, anh T1 còn có tính gia trưởng, trịch thượng, cái gì cũng bắt phải theo ý anh T1. Thời gian con còn nhỏ chị cố gắng chịu đựng nhưng anh T1 không những không sửa đổi mà trong khoảng mấy năm gần đây vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2023 chị đã làm đơn ly hôn, sau đó Tòa án hòa giải thì chị rút đơn khởi kiện nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không giải quyết được. Đến tháng 4 năm 2024 chị phát hiện anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Anh T1 đã thừa nhận với chị và con gái. Chị xác nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Tuy ở cùng nhà trọ nhưng chị và con ở một phòng, anh T1 ở phòng khác và thường xuyên ngủ lại chỗ khác, ít về phòng trọ ngủ. Chị xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1.

- Về con chung:

Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 24/10/2008, Hiện cháu Nguyễn Thị Tuyết N đang do chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Nguyễn Trần Châu M T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Ngọc T1 đến Tòa án để trình bày lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời gửi Thông báo về việc yêu cầu trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng anh T1 vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn sau đó cũng có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho nguyên đơn, bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1 được ly hôn; về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N cho chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1 theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho chị T, anh T1 theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1 đã được UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 14/4/2008, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T thì vợ chồng sống đến khoảng năm 2011 - 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T1 không đưa tiền cho chị chi tiêu đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của gia đình và chăm

lo cho con cái mà tất cả các chi phí đó để một mình chị lo liệu. Chị có nói anh đưa tiền, anh không những không đưa mà vợ chồng còn cãi nhau và anh còn đánh chị. Năm 2023 chị từng làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải chị lại rút đơn. Đến tháng 4 năm 2024 chị phát hiện anh có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Anh cũng đã thừa nhận với chị và con gái. Theo chị, vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ năm 2023. Tuy ở cùng nhà trọ nhưng mỗi người mỗi phòng không chung đụng nhau, mặc ai nấy sống.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Tuyết N là con chung của chị T và anh T1 (hiện cháu N đang là học sinh lớp 11). Cháu N cho biết quá trình chung sống thấy bố mẹ nhiều lần cãi nhau. Năm 2023 mẹ từng làm đơn yêu cầu ly hôn, sau đó được Tòa án hòa giải. Gần đây thì phát hiện bố có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài.

Ngày 17/4/2023 Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương cũng đã có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn đối với chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1 chứng tỏ chị T từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng đã rút đơn khởi kiện.

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1 là có thật. Phía anh T1, Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần để làm việc, trình bày lời khai, hòa giải nhưng anh không đến, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T thể hiện sự bỏ mặc hôn nhân, không quan tâm, không tác động, níu kéo chị T trở về chung sống, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh T1 được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Trần Châu M T xác nhận có 01 người con chung là cháu: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày: 24/10/2008. Hiện cháu N đang do chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Thị Tuyết N có nguyện vọng được sống với chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T, cháu N hiện đã lớn và đang được chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, chị T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, Do đó, căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N cho chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Theo chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1 không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Anh Nguyễn Ngọc T1 không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T đối với bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1.

Cho chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T và anh Nguyễn Ngọc T1 được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 14/4/2008 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 24/10/2008 cho chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Nguyễn Trần Châu

Mỹ T đã nộp theo biên lai thu số 0002684 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị Nguyễn Trần Châu Mỹ T đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Ngọc T1 không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã Đan Phượng, huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phúc